TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 35

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Làm tròn số 230,202 đến hàng phần trăm ta được:

A. 230,22 **B.** 230,21 **C.** 230,202 **D.** 230,2

Câu 2. Số thập phân gồm 96 đơn vị, 7 phần mười và 1 phần nghìn viết là:

A. 96,0701 **B.** 96,701 **C.** 960,701 **D.** 96,71

Câu 3. Một sợi dây dài 13,29 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 10,6 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 23,89 m **B.** 15,98 m **C.** 37,08 m **D.** 37,18 m

Câu 4. Kết quả của phép tính 1/3 : 4/7 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 4/21 **B.** 4/10 **C.** 7/12 **D.** 7/6

Câu 5. 9 m^2 31 dm^2 = …… m^2

A. 12,1 **B.** 9,31 **C.** 9,031 **D.** 931

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 23 cm, chiều cao 10 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 66 cm^2 **B.** 115 cm^2 **C.** 230 cm^2 **D.** 33 cm^2

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 19,99 …… 19,98

b) 1,2 …… 1,20

c) 6 tấn 50 kg …… 6,5 tấn

d) 6 ha …… 60 000 m^2

Bài 2. Tìm x:

a) x + 14,72 = 41,62; x = ……

b) x × 2,5 = 27,75; x = ……

c) 42,6 − x = 24,84; x = ……

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 4,94 × 4 = ……

b) 10,54 × 4,5 + 10,54 × 5,5 = ……

c) 42,6 + 12,6 + 3,4 + 1,4 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 m 7 cm = …… m

b) 2 kg 26 g = …… kg

c) 2 km² = …… ha

d) 2000 m² = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 13 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 13 cm: …… cm²

c) Chu vi hình tròn đường kính 30 dm: …… dm

Bài 6. Một tổ may cắt 6 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 2,9 m vải. Giá mỗi mét vải là 65 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 35

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	B	D	C	B	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 19,99 > 19,98

b) 1,2 = 1,20

c) 6 tấn 50 kg < 6,5 tấn

d) 6 ha = 60 000 m²

Bài 2.

a) x = 41,62 − 14,72 = 26,9

b) x = 27,75 : 2,5 = 11,1

c) x = 42,6 − 24,84 = 17,76

Bài 3.

a) (2,5 × 4) × 4,94 = 10 × 4,94 = 49,4

b) 10,54 × (4,5 + 5,5) = 10,54 × 10 = 105,4

c) (42,6 + 3,4) + (12,6 + 1,4) = 46 + 14 = 60

Bài 4.

a) 5,07

b) 2,026

c) 200

d) 0,2

Bài 5.

a) 13 × 2 × 3,14 = 81,64

b) 13 × 13 × 3,14 = 530,66

c) 30 × 3,14 = 94,2

Bài 6.

Số vải: 2,9 × 6 = 17,4 (m)

Số tiền: 65 000 × 17,4 = 1 131 000 (đồng)